

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 – MÔN TIẾNG ANH 10

TT	Kỹ năng	Mức độ nhận biết								Tổng	
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		Tỉ lệ	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)
1	Listening	10	4	10	6	5	3			25	13
2	Language	10	3	10	5	5	3			25	11
3	Reading	15	8	5	5	5	5			25	18
4	Writing	5	5	5	4	5	4	10	5	25	18
Tổng		40	20	30	20	20	15	10	5	100	60
Tỉ lệ (%)		40		30		20		10			
Tỉ lệ chung (%)		70				30					

BẢN ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1
MÔN: TIẾNG ANH 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

TT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng Số CH/ bài		
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
I.	LISTENING	1. Nghe một đoạn hội thoại/ đọc thoại trong khoảng 3 phút (khoảng 170 – 200 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề : - FAMILY LIFE. - HUMANS AND THE ENVIRONMENT - MUSIC (True/False)	Nhận biết: - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học.	2								2		
			Thông hiểu: - Hiểu nội dung chính của đoạn đọc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng.				2						2	
			Vận dụng: - Hiểu được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp. - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng.						1				1	
			Nhận biết: - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học.	2									2	
		2. Nghe một đoạn hội thoại/ đọc thoại khoảng 3 phút (khoảng 170 – 200 từ) liên quan đến các chủ đề nêu trên để chọn câu trả lời đúng. - FAMILY LIFE. - HUMANS AND THE ENVIRONMENT - MUSIC	Thông hiểu: - Hiểu nội dung chính của đoạn đọc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng.				2		1				3	
			Vận dụng: - Hiểu được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp. - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng.											

IV. WRITING		2. The part of speech (word forms) Chia từ loại	sai có liên quan đến các chủ điểm ngữ pháp đã học ở bài 1, 2, 3.										
			Nhận diện dùng từ, cấu trúc, cú pháp trong các bài thông qua tìm từ loại có liên quan đến các chủ điểm ngữ pháp đã học ở bài 1, 2, 3.	2									2
		2. Guided Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước. (<i>Sentence transformation / Sentence building</i>)	Thông hiểu: - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.(dựa trên các chủ điểm ngữ pháp đã học ở Unit 1, 2, 3)				2		1		1		
Tổng				12	2	9	2	6	1	3	1	30	6

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Số câu hỏi mang tính đề xuất và do ban biên soạn xác định cụ thể khi xây dựng đề kiểm tra.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: TIẾNG ANH 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút

TT	Kỹ năng	Mức độ nhận biết								Tổng	
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		Tỉ lệ	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)
1	Listening	10	4	10	6	5	3			25	13
2	Language	10	3	10	5	5	3			25	11
3	Reading	15	8	5	5	5	5			25	18
4	Writing	5	5	5	4	5	4	10	5	25	18
Tổng		40	20	30	20	20	15	10	5	100	60
Tỉ lệ (%)		40		30		20		10			
Tỉ lệ chung (%)		70				30					

BẢN ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: TIẾNG ANH 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

TT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng Số CH/ bài		
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
I.	LISTENING	1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong khoảng 3 phút (khoảng 200 – 230 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề: - <i>A long and healthy life</i> - <i>The generation gap</i> - <i>Cities of the future</i> (<i>True/False</i>)	Nhận biết: - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học.	2								2		
			Thông hiểu: - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng.			2							2	
			Vận dụng: - Hiểu được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp. - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng.					1						1
		2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 3 phút (khoảng 170 – 200 từ) liên quan đến các chủ đề nêu trên. - <i>A long and healthy life</i> - <i>The generation gap</i> - <i>Cities of the future</i> (<i>MCQs</i>)	Nhận biết: - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học.	2									2	
			Thông hiểu: - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng.			2							2	
			Vận dụng: - Hiểu được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.					1					1	

			- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng.											
II.	LANGUAGE	Pronunciation (MCQs)	Nhận biết: - Biết cách phát âm các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ thông qua các từ vựng theo chủ điểm đã học.	2								2		
			Thông hiểu: + Phân biệt được các âm trong phần nghe.											
			Vận dụng: + Vận dụng vào kỹ năng nghe và nói các nội dung liên quan đến ngữ điệu lên và xuống, câu hỏi nghi vấn (Yes/No question) và câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi thay thế, câu hỏi đuôi, câu hỏi thể hiện câu mời, câu gợi ý....											
		Vocabulary Từ vựng theo các chủ điểm liên quan đến: - <i>A long and healthy life</i> - <i>The generation gap</i> - <i>Cities of the future</i> (MCQs)	Nhận biết: - Nhận ra/nhớ lại/liệt kê được các từ vựng theo chủ điểm đã học.											
			Thông hiểu: - Hiểu, phân biệt được các từ loại theo chủ điểm đã học. - Nắm được các mối liên kết của từ trong ngữ cảnh, bối cảnh tương ứng.			3							3	
			Vận dụng: - Vận dụng được từ vựng đã học vào các kỹ năng.					2					2	

		Grammar Các kiến thức ngữ pháp: - Past simple and Present perfect - Modal verbs : must, have to and should - Stative verbs in the continuous form - Linking verbs (<i>MCQs</i>)	Nhận biết: - Nhận ra các kiến thức ngữ pháp đã học.	3								3			
			Thông hiểu: - Hiểu và phân biệt các kiến thức ngữ pháp.												
			Vận dụng: - Vận dụng những kiến thức ngữ pháp đã học vào bài viết / nghe / đọc/ nói.												
III.	READING	1. Reading comprehension Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 200-230 từ về các chủ đề: - <i>A long and healthy life</i> - <i>The generation gap</i> - <i>Cities of the future</i> (<i>Cloze test</i>)	Nhận biết: - Nhận ra các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản.	3								3			
			Thông hiểu: - Phân biệt được các đặc điểm, đặc trưng của các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản,						1				1		
			Vận dụng: - Sử dụng được kiến thức kĩ năng trong các tình huống mới.							1				1	
		2. Reading comprehension Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 220-250 từ, xoay quanh các chủ đề. - <i>A long and healthy life</i> - <i>The generation gap</i> - <i>Cities of the future</i> (<i>MCQs</i>)	Nhận biết: - Nhận biết các thông tin chi tiết trong bài đọc.	2									2		
			Thông hiểu: - Hiểu ý chính của bài đọc.								2			2	
			Vận dụng: - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh. - Phân tích, tổng hợp ý chính của bài đọc để chọn câu trả lời phù hợp.									1			1
IV.	WRITING	1. Sentence transformation - Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước.	Thông hiểu: - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.(dựa trên								3		3		

			các chủ điểm ngữ pháp đã học ở Unit 6,7,8)										
		2. Sentence building - Viết lại câu dùng từ/ cụm từ đã cho để tạo thành câu hoàn chỉnh. <i>(Sentence building)</i>	Thông hiểu: - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.(dựa trên các chủ điểm ngữ pháp đã học ở Unit 6,7,8)										
				Vận dụng: Phân tích , vận dụng các kiến thức đã học để sử dụng từ gợi ý viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.(dựa trên các chủ điểm ngữ pháp đã học ở Unit 6,7,8)					1		1		2
Tổng				14		10	3	6	1		1	30	5

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- Số câu hỏi mang tính đề xuất và do ban biên soạn xác định cụ thể khi xây dựng đề kiểm tra.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025
TIẾNG ANH 12 – GLOBAL SUCCESS

CORE KNOWLEDGE AND SKILLS TO BE ASSESSED.

1. Pronunciation

- Diphthongs: /ei/ /əʊ / /ɔɪ/ /aɪ/ /aʊ/ /ɪə/ /eə/ /ʊə/
- Stress: key words in units 1,2,3

2. Grammar

- Past simple vs Past continuous
- Articles
- Verbs with prepositions
- Relative clauses referring to the whole sentence.

3. Vocabulary:

- Words and phrases related to topics: Life stories we admire, A multicultural world, Green living

4. Reading: Close text, reading comprehension

- Topics: Life stories we admire, A multicultural world, Green living

5. Writing

- Synthesising and summarising information to write a biography of a famous person.
- Writing an opinion essay
- Writing a problem-solving report

MA TRẬN

Chủ đề	Nội dung		Nhận biết		Thông hiểu		VD thấp		VD cao		Số câu		
			TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN			
Pronunciation	<i>Choose the word that has the underlined (letters) pronounced differently from the others.</i>										4 (10%)		
	Question 1:			1									
	Question 2:			1									
Word Stress	<i>Choose the word that differs from the other three in position of primary.</i>												
	Question 3:			1									
	Question 4:			1									
Lexico - Grammar	<i>Choose the best answer</i>										16 (40%)		
	Question 5:	Past simple vs Past continuous				1							
	Question 6:	Past simple vs Past continuous		1									
	Question 7:	Articles		1									
	Question 8:	Articles				1							
	Question 9:	Verbs with prepositions				1							
	Question 10:	Verbs with prepositions		1									
	Question 11:	Relative clauses referring to the whole sentence		1									
	Question 12:	Relative clauses referring to the whole sentence				1							
	Question 13:	Collocations						1					
	Question 14:	Collocations						1					
	Question 15:	Word formation						1					
	Question 16:	Word formation				1							
	Question 17:	Word meaning				1							
	Question 18:	Word meaning				1							
	Question 19:	Word meaning				1							
	Question 20:	Word meaning				1							
		CLOSE TEXT: <i>Read the following advertisement/announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 15. (50 – 70 words)</i>											3 (7.5%)
	Question 21:	Grammar		1									
	Question 22:	Grammar				1							
	Question 23:	Word formation						1					

Chủ đề	Nội dung	Nhận biết		Thông hiểu		VD thấp		VD cao		Số câu
WRITING	<i>Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter/email/blog in each of the following questions.</i>									2 (5%)
	Question 24:								1	
	Question 25:								1	
READING	<i>CLOSE TEXT: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 26 to 30. (160 – 180 words)</i>									5 (12.5%)
	Question 26:		1							
	Question 27:				1					
	Question 28:				1					
	Question 29:						1			
	Question 30:						1			
	<i>CLOSE TEXT: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 31 to 35. (120 – 150 words)</i>									5 (12.5%)
	Question 31:		1							
	Question 32:				1					
	Question 33:				1					
	Question 34:						1			
	Question 35:								1	
	<i>PASSAGE: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 36 to 40. (220 – 250 words)</i>									5 (12.5%)
	Question 36:		1							
	Question 37:				1					
	Question 38:				1					
	Question 39:						1			
	Question 40:								1	
			12		16		8		4	
			30		40		20%		10%	40